

Bản án số: 136/2024/HS-PT

Ngày: 14-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mỹ.

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội.

Ông Sỹ Danh Đạt.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Văn Liệt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 51/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Đinh Khả T cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Đinh Khả T, Lê Thanh H, Trần Nam T1 và Lâm Hoàng Hữu N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2024/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Đinh Khả T, sinh năm 1978, tại tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Khóm B, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn B (chết) và bà Lê Thị N1, sinh năm 1955; Chồng: Không có; Bị cáo có 02 người con sinh năm 2007 và 2019; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị tạm giữ hình sự ngày 01/12/2022 đến ngày 10/12/2022 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Đ (Có mặt).

2. Lê Thanh H (Tên gọi khác: H mập), sinh năm 1997 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thanh P, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; Vợ: Trương Quỳnh N2, sinh năm 1997; Bị cáo có 01 người con sinh năm 2023; Tiền sự: Không có; Tiền án: Ngày 14/3/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tuyên 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày thực hiện hành vi phạm tội chưa thi hành tiền thu lợi bất chính (chưa xóa án tích).

Đến ngày 14/4/2023 mới nộp tiền thu lợi bất chính; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 29/3/2023 (Có mặt).

3. Trần Nam T1 (Tên gọi khác: N3), sinh năm 1991 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Nam P1, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Minh H1, sinh năm 1969; Vợ: Phạm Tuyết M, sinh năm 2000; Bị cáo có 02 người con sinh năm 2019 và 2021; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 03/3/2023 (Có mặt).

4. Lâm Hoàng Hữu N (Tên gọi khác: Bi Nghĩa, Cu B1), sinh năm 1997, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Thanh D, sinh năm 1976 và bà Bùi Thị Thu H2, sinh năm 1977; Vợ: Lê Thị Kiều T2, sinh năm 2000; Bị cáo có 01 người con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị tạm giữ hình sự ngày 12/11/2022 đến ngày 21/11/2022 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Lê Thị Hòa A, bị cáo Lê Tam B2, bị cáo Trần Thanh L1, bị cáo Huỳnh Tấn N4, bị cáo Nguyễn Duy Phước T3, bị cáo Hà Minh H3, bị cáo Đỗ Chấn C, bị cáo Lê Thị Thùy L2, bị cáo Trần Thị Ngọc H4, bị cáo Lê Hoàng Y; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ ngày 09/11/2022, Nguyễn Yến K (con gái của Phạm Kim T4) trên đường đi học về thì bị Lê Hoàng Y (con gái Lê Tam B2) dùng cây đánh vào đầu nên K về nhà kể sự việc cho T4 nghe. Sau đó, T4 cùng K và em ruột là Phạm Tấn V và Trần Quốc T5 (bạn của V) đi tìm Y hỏi rõ sự việc. Khi đến cầu Đ thuộc phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp thì gặp Y nên T4 dùng tay đánh 02 cái vào mặt của Y, sau đó K đến đánh nhau với Y thì được mọi người can ra. Lúc này T4 điện thoại cho Lê Tam B2 đến giải quyết, B2 vừa đến thì đánh V và T5 nên T4 báo cho Công an phường A, thành phố S mời tất cả về trụ sở để làm việc.

Tại Công an phường A, phía của B2 có mặt B2, Lê Hoàng Y, Lê Thị Hòa A (chị B2), Lê Thị Thùy L2 (chị B2), Đinh Khả T (bạn gái của B2 là mẹ nuôi của Y), Trần Thị Ngọc H4 (bạn H), Huỳnh Tấn N4 (do T kêu đến). Phía T4 có T4 và K, V và T5. Sau đó, Công an phường giải quyết cho hai bên ký cam kết rồi ra về. Do không đồng ý với kết quả giải quyết của Cơ quan Công an, nên khi ra khỏi Công an phường A, Lê Thị Hòa A kêu H4 đi theo dõi T4 ở đâu để tìm đánh T4 trả thù, rồi cùng Thùy L2, T, Y về nhà của T chờ thông tin của H4. Còn B2 gặp

N4, B2 nói “chuyện của con nít công an giải quyết, còn chuyện của người lớn thì để người lớn giải quyết”.

Sau khi về nhà, B2 không thấy Y nên điện thoại hỏi thì Y nói đang ở nhà T. Lúc này Hòa A cũng điện cho B2 nói là “H4 đang đi theo dõi T4 để đánh trả thù” thì B2 không có ý kiến gì. Đến khoảng 20 giờ 10 phút ngày 09/11/2022, thì H4 điện thoại về cho hay là T4 đang nhậu tại nhà anh Quách Hữu N5 thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên Hòa A kêu H4 về nhà T để cùng đi đánh T4. Sau đó T điện thoại cho Trần Thanh L1 (Linh xệ) kêu thêm người chuẩn bị hung khí để đi giải quyết mâu thuẫn (tức đi đánh nhau) và hẹn gặp nhau ở chợ B4 thuộc xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (cách nhà N5 khoảng 130 mét). Thanh L1 điện thoại kêu thêm Huỳnh Tấn N4, Hà Minh H3, Đỗ Chấn C, Lâm Hoàng Hữu N, Trần Nam T1, Nguyễn Duy Phước T3, Lê Thanh H và Bi N6, Hiếu Tích T6 (chưa rõ họ tên, địa chỉ) cùng đi. Sau đó, nhóm của N4 đến bãi xe Y thuộc phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp, N4 và H3 vào trong lấy hung khí (nhóm của bị can N4 quy ước điểm giấu hung khí để khi cần đánh nhau thì lấy sử dụng) là 03 con dao tự chế (Nguyễn và H3 giữ 02 cây; T3 giữ 01 cây) rồi cùng chạy xe mô tô đi vào chợ B4.

Khi H4 về đến nhà T thì B2 cũng vừa đến, B2 hỏi “Có đi không, tôi đi à” rồi B2 chạy xe đi trước, nhóm T, H, Thùy L2, H4 và Y cũng chạy theo. Khi đến chợ B4, xe của Y hết xăng nên Y điện thoại kêu B2 mua xăng, còn H4 thì chờ Hòa A đến nhà anh N5 nơi T4 đang nhậu để cho A biết chỗ rồi quay trở lại cầu B cùng T, Thùy L2, Y, Hòa A đợi B2 và nhóm của Trần Thanh L1. Lúc này, do sợ bị liên can nên H4 nói sẽ vào nơi T4 nhậu trước rồi một mình chạy xe qua khỏi nhà anh N5 khoảng 01 km thì dừng lại đợi.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Thanh L1 chở Lâm Hoàng Hữu N, Huỳnh Tấn N4 chở Hà Minh H3, Lê Thanh H chở Trần Nam T1, Đỗ Chấn C chở người tên Bi N6, Nguyễn Duy P2 T3 chở người tên H3 Tích T6 chạy đến dốc cầu B (phía chợ B4) thì dừng lại. Thời điểm này, Lê Tam B2 cùng khoảng 20 người nam nữa (không xác định được họ tên, địa chỉ) cũng chạy đến. Thấy vậy, Hòa A chở Thùy L2 chạy qua dốc cầu B (phía Ủy ban xã T) nhưng do mọi người chưa đi nên Hòa A và Thùy L2 đứng đợi. B2, Y, T đậu xe trên dốc cầu nói chuyện. Nhóm còn lại có 15 xe mô tô và 30 người đậu ở dốc cầu trước chợ B4, cách nhà lồng chợ 47m. Có một đối tượng chưa rõ họ tên đưa hung khí là dao tự chế cho Thanh L1 rồi Thanh L1 đưa cho Nam T1 nói cầm giùm, N4 cầm hung khí giơ ra bên ngoài, T3 và khoảng 07 đối tượng khác cất hung khí ở trong áo khoác. Sau đó, Thanh L1 bước lên dốc cầu nói chuyện với T và B2 khoảng 05 phút thì T kêu Thanh L1 cùng cả nhóm chạy theo B2 để vào nhà của anh N5. Lê Tam B2 và Trần Thanh L1 dẫn đầu cả nhóm gồm 18 xe và 35 người chạy dàn hàng ngang từ cầu B đến nhà anh Nhân c cầu B khoảng 130m. Trên đường các bị cáo chạy xe nẹt pô rút ga, ảnh hưởng đến việc nghỉ ngơi của người dân.

Khi đến nơi, các đối tượng đậu xe ở đường đal trước nhà N5 rồi B2, H, Thùy L2 và Y đi vào trước còn Thanh L1, N4, H3, C, N, T3, Nam T1, H cùng 4-5 người nữa (chưa xác định được ai) cầm hung khí là dao tự chế đi theo sau, những

người còn lại đứng đợi bên ngoài hàng rào la lối lớn tiếng, náo động khu vực đông dân cư.

Khi thấy T4 đang ngồi uống bia cùng N5, Nguyễn Thanh T7, Nguyễn Minh H5, Võ Tấn Q ở trước hàng ba nhà anh N5 thì B2 nhặt 01 chai bia Sai gòn ở trước hàng ba ném vào nhóm của T4 và nói: “ĐM mày đánh con tao” thì Hòa A, Thùy L2, và Y xông vào đánh T4 bằng nón bảo hiểm và dép. Quách Hữu N5 bị Thanh L1 dùng chân đạp vào người và bị N4 và T3 dùng dao chém trúng tay, chân, vùng bụng, lưng; Võ Tấn Q bị N4 cùng hai đối tượng nam khác dùng dao chém trúng tay, vùng bụng và lưng; Nguyễn Minh H5 bỏ chạy ra phía sau nhà thì bị một đối tượng nam chém trúng chân. Nguyễn Thanh T7 bị một nam thanh niên cầm dao chém trúng sau đầu. C, N, N, H cùng 4-5 đối tượng khác cầm hung khí đứng xung quanh hỗ trợ, nếu ai chống trả thì sẽ chém và đánh lại. Sau khi bị chém, anh T7 phát hiện ra B2 nên B2 kêu cả nhóm dừng lại và lên xe chạy về thành phố S cất giấu hung khí và bỏ trốn nhằm tránh bị phát hiện. Những người bị thương được gia đình chở đi bệnh viện S1 cấp cứu và điều trị. Sau khi nhận được tin báo, Công an huyện C tiến hành khám nghiệm hiện trường và xác minh làm rõ.

Đến ngày 12/11/2022, các bị cáo B2, H, N, Thanh L1, C, N4, H5, T, Nam T1, H lần lượt đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đầu thú.

Ngày 10/11/2022, Nguyễn Thanh T7, Phạm Kim T4, Võ Tấn Q và Quách Hữu N5 có đơn yêu cầu xử lý hình sự những người đã gây thương tích cho mình.

Tại các Bản giám định pháp y về thương tích số 346, 347, 348, 349, 350 cùng ngày 10/11/2022 và các Bản giám định pháp y về thương tích bổ sung số 01, 02, 03, 04, 05 cùng ngày 22/12/2022, Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận tỉ lệ tổn thương cơ thể của các bị hại như sau:

- Nguyễn Thanh T7: 02 vết thương phần mềm vùng bả vai trái, đỉnh- cằm trái, kích thước trung bình, mỗi vết 02%, tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể 04%, thương tích do vật sắc bén gây ra, cơ chế hình thành do ngoại lực tác động. Giám định bổ sung 00%. Tổng tỉ lệ tổn thương là 04%;

- Nguyễn Minh H5: Vết thương biến đổi sắc tố da cẳng chân phải. Tỉ lệ tổn thương 01%, các tổn thương do vật sắc bén gây ra, cơ chế hình thành do ngoại lực tác động. Giám định bổ sung 00%. Tổng tỉ lệ tổn thương 01%;

- Võ Tấn Q: 07 vết thương phần mềm vùng 1/3 trên cánh tay phải; 1/3 giữa cánh tay phải; 1/3 trên cánh tay trái, bồng phải, mạn sườn trái, đường nách phải, thắt lưng phải, kích thước trung bình, mỗi vết 02%. Vết thương phần mềm vùng thắt lưng trái, kích thước nhỏ, tỉ lệ tổn thương 01%. Tổng tỉ lệ tổn thương là 14%, các tổn thương do vật sắc bén gây ra, cơ chế hình thành do ngoại lực tác động. Giám định bổ sung 00%. Tổng tỉ lệ tổn thương là 14%;

- Quách Hữu N5: 07 vết thương phần mềm vùng cẳng tay trái, đùi phải, gối phải; 1/3 giữa cẳng chân phải; 1/3 dưới cẳng chân phải, khủy tay phải, hố thắt lưng phải, kích thước trung bình, mỗi vết 02%. Vết thương phần mềm ngón I bàn chân phải, kích thước nhỏ tỉ lệ tổn thương 01%. 05 vết biến đổi sắc tố da vùng 1/3 giữa cẳng chân phải, 1/3 trên cẳng chân phải, đường nách dưới trước trái- bụng,

thương vị trái, cánh tay phải, mỗi vết 01%. Tổng tỉ lệ 18%, các tổn thương do vật sắc bén gây ra, cơ chế hình thành do ngoại lực tác động. Giám định bổ sung: hạn chế vận động khuỷu tay phải, tỉ lệ 11%. Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể là 27%;

- Phạm Kim T4: 06 vết biến đổi sắc tố vùng mi trên mắt trái, mu bàn tay trái, giữa đỉnh- cằm, cánh tay trái, lưng phải, đùi trái, mỗi vết 01%, tổng tỉ lệ 06%, các tổn thương do vật tày gây ra. Giám định bổ sung 00%. Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể 06%;

Cơ quan cảnh sát điều tra hiện đã tạm giữ tại hiện trường gồm: 01 mũ bảo hiểm màu trắng bị bể; 01 bảo hiểm đen bị bể; 01 mũ bảo hiểm trắng đục sọc đỏ bị bể; 01 vỏ chai bia; 01 ghế đai bị gãy.

Quá trình điều tra, các bị cáo tự nguyện giao nộp các tài sản đồ vật sau:

+ Lê Thị Hòa A: 01 điện thoại Oppo A95 (sim số 0776.850.976), bị can A dùng liên lạc hẹn đánh nhau.

+ Trần Thị Ngọc H4: 01 điện thoại Samsung màu xanh (sim số 0939.444.451), bị can H4 dùng liên lạc hẹn đánh nhau.

+ Lê Tam B2: 01 điện thoại Iphone màu vàng (sim số: 0777.655.566 và 0799.555.779) và tiền Việt Nam 4.010.000đ, điện thoại B2 liên lạc hẹn đánh nhau, tiền là tài sản cá nhân của B2.

+ Trần Thanh L1: 01 Iphone xanh đen (là điện thoại liên lạc hẹn đánh nhau); 01 điện thoại Nokia xanh cùng sim số 0332.225.222 và tiền Việt Nam 2.000.000đ, là tài sản cá nhân của Thanh L1

+ Huỳnh Tấn N4: 01 điện thoại Nokia màu đen, sim số 0933.452.474, là điện thoại N4 dùng liên lạc hẹn đánh nhau.

+ Hà Minh H3: 01 điện thoại di động Nokia màu xám đen, H3 dùng liên lạc hẹn đánh nhau.

+ Đỗ Chấn C: tiền Việt Nam 950.000đ, C giao nộp để bảo đảm thi hành án.

Kết quả điều tra ghi nhận và xác định như sau:

- Trích xuất camera an ninh ở xã T xác định các đối tượng tập trung ở B trước khi vào nhà N5 có 35 người đi 18 chiếc xe mô tô, B2 đi một mình, các xe còn lại đều đi 02 người, trong đó camera ghi nhận được Huỳnh Tấn N4 và 02 đối tượng khác có cầm hung khí giờ ra bên ngoài, các đối tượng khác để hung khí bên trong người không xác định được. Khi các đối tượng rời đi có cầm hung khí giờ ra bên ngoài, chạy đi theo hướng Quốc lộ H. Tại Cơ quan điều tra các bị cáo khai khi đến trước chợ B4 thì tập trung ngay dốc cầu B khoảng 05 phút để chờ T, B2, Thanh L1 nói chuyện rồi mới theo B2 và Thanh L1 đến nhà N5 gây thương tích. Tại Bản kết luận giám định số 1194, ngày 29/12/2022, Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận: các tệp dữ liệu video gửi đến giám định không bị cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung hình ảnh, đã trích xuất dữ liệu hình ảnh có liên quan tới sự việc ra bản

ảnh. Qua nhận dạng các bị cáo thừa nhận bản thân có tập trung ở cầu B và di chuyển như hình ảnh camera thể hiện.

- Ghi nhận hiện trường xác định, trước khi vào điểm gây thương tích, các bị cáo tập trung trên dốc cầu B và dưới dốc cầu B cách nhà lồng chợ B4 47m thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, đoạn đường từ khu vực đậu xe đến nơi gây thương tích là khu vực đông dân cư, dài 123,5m, có 02 trụ sở cơ quan, 01 trường tiểu học, nhiều nhà dân và khu vực buôn bán. Khi đến địa điểm gây thương tích, các bị cáo đậu xe ngoài đường công cộng, kế nhau kéo dài một quãng đường từ 6-10 mét gây cản trở giao thông thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tại biên bản họp dân ngày 11/11/2022, đại diện 14 hộ dân và hộ kinh doanh đều thống nhất ý kiến với chính quyền địa phương xác định vụ việc xảy ra ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương và đề nghị cơ quan chức năng xử lý nghiêm các đối tượng liên quan đến ổn định tình hình an ninh trật tự. Làm việc với Cơ quan điều tra, 08 người dân sinh sống khu vực gây rối đều khai các đối tượng chạy xe dàn hết đường đi, net pô, la lớn tiếng, trên tay có mang theo hung khí, gây hoang mang, bức xúc, ảnh hưởng đến tâm lý và việc nghỉ ngơi của mọi người.

Ngày 11/11/2022, UBND xã T có công văn số 419 gửi Cơ quan điều tra với nội dung: Đại diện 14 hộ dân khu vực từ chợ B4 đến nơi xảy ra đánh nhau có ý kiến: Đây là vụ việc ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Đồng thời yêu cầu cơ quan chức năng xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật để bảo đảm an ninh, trật tự xã hội ở địa phương và răn đe, giáo dục.

Ngày 28/3/2023, Ủy ban nhân dân xã T có công văn số 124 gửi Cơ quan điều tra với nội dung: Khu vực từ dốc cầu B đến trước cổng nhà Quách Hữu N5 có trụ sở Đảng ủy, Ủy ban nhân dân; Công an; Quân sự xã và Trung tâm học tập cộng đồng xã T; 08 hộ dân; 13 hộ kinh doanh; 48 nhân khẩu.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Trần Thanh L1, Hà Minh H3, Huỳnh Tấn N4, Đỗ Chấn C, Nguyễn Duy Phước T3 đã thỏa thuận bồi thường cho Quách Hữu N5 tổng cộng 150.000.000đ. Lê Tam B2, Lê Thị Hòa A, Lê Thị Thùy L2 và Lê Hoàng Y đã thỏa thuận bồi thường cho Quách Hữu N5 10.000.000đ và Võ Tấn Q 10.000.000đ. Trần Nam T1 bồi thường cho Võ Tấn Q 5.000.000đ; Lê Thanh H bồi thường cho Võ Tấn Q 5.000.000đ. Đinh Khả T bồi thường cho Võ Tấn Q 10.000.000đ. Lâm Hoàng Hữu N bồi thường cho Quách Hữu N5 3.000.000đ. Quách Hữu N5 và Võ Tấn Q đã nhận tiền bồi thường xong không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Các bị hại Nguyễn Thanh T7, Nguyễn Minh H5 và Phạm Kim T4 không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Bị hại N5 và Q có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Trần Thanh L1, Hà Minh H3, Huỳnh Tấn N4, Đỗ Chấn C, Nguyễn Duy Phước T3, Lê Thanh H, Lâm Hoàng Hữu N và Trần Nam T1.

Đối với người tên B1 nhỏ và Hiếu Tích t và 20 đối tượng còn lại, hiện chưa xác định họ tên thật và địa chỉ cụ thể nên không xác minh làm việc được, chưa có cơ sở xử lý cùng vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Đối với Trần Thị Ngọc H4 không tham gia gây rối cùng các bị cáo còn lại. Lê Hoàng Y có tham gia gây rối nhưng chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên chỉ xem xét xử lý tội “Cố ý gây thương tích”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2024/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp đã xét xử:

1. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự tuyên bố các bị cáo Đinh Khả T, Lê Thị Hòa A, Lê Tam B2, Trần Thanh L1, Huỳnh Tấn N4, Nguyễn Duy Phước T3, Lê Thị Thùy L2, Đỗ Chấn C, Lâm Hoàng Hữu N, Hà Minh H3, Trần Nam T1, Lê Thanh H, Trần Thị Ngọc H4, Lê Hoàng Y phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Lê Tam B2, Lê Thị Hòa A, Đinh Khả T, Trần Thanh L1, Huỳnh Tấn N4, Nguyễn Duy Phước T3, Lê Thị Thùy L2, Đỗ Chấn C, Lâm Hoàng Hữu N, Hà Minh H3, Trần Nam T1, Lê Thanh H phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

3. Về xử phạt:

3.1. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đinh Khả T 05 (Năm) năm 06 (S) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đinh Khả T mức án 03 (Ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội: Bị cáo Đinh Khả T phải chấp hành hình phạt tù là 05 (Năm) năm 09 (Chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ hình sự ngày 01/12/2022.

3. 2. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Tam B2 05 (Năm) năm 06 (S) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Tam B2 mức án 03 (Ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội: Bị cáo Lê Tam B2 phải chấp hành hình phạt tù là 05 (Năm) năm 09 (Chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ hình sự ngày 12/11/2022.

3.3 Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Hòa A 04 (B3) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Hòa A mức án 03 (Ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ Luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội: Bị cáo Lê Thị Hòa A phải chấp hành hình phạt tù là 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ hình sự ngày 16/11/2022.

3.4. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thanh L1 04 (B3) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thanh L1 mức án 03 (Ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội: Bị cáo Trần Thanh L1 phải chấp hành hình phạt tù là 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ hình sự ngày 14/11/2022.

3.5. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn N4 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn N4 mức án 03 (Ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội: Bị cáo Huỳnh Tấn N4 phải chấp hành hình phạt tù là 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giam ngày 06/7/2023; được khấu trừ những ngày bị tạm giữ hình sự từ ngày 14/11/2022, chuyển tạm giam ngày 23/11/2022 đến ngày 19/01/2023 trả tự do.

3.6. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Phước T3 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Phước T3 mức án 03 (Ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội: Bị cáo Nguyễn Duy Phước T3 phải chấp hành hình phạt tù là 03 (Ba) năm, 09 (Chín) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ hình sự ngày 06/01/2023.

3.7. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hà Minh H3 03 (Ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hà Minh H3 mức án 03 (Ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội: Bị cáo Hà Minh H3 phải chấp hành hình phạt tù là 03 (Ba) năm, 03 (Ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ hình sự ngày 15/11/2022.

3.8. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Chấn C 02 (Hai) năm, 06 (S) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Chấn C mức án 03 (Ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội: Bị cáo Đỗ Chấn C phải chấp hành hình phạt tù là 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ hình sự ngày 14/11/2022.

3.9. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Thùy L2 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Thùy L2 mức án 03 (Ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ Luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội: Bị cáo Lê Thị Thùy L2 phải chấp hành hình phạt tù là 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ ngày tạm giữ hình sự từ ngày 10/11/2022 sau đó được trả tự do 19/11/2022.

3.10. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Nam T1 02 (Hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Nam T1 mức án 03 (Ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội: Bị cáo Trần Nam T1 phải chấp hành hình phạt tù là 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

3.11. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 17; Điều 58 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thanh H 02 (Hai) năm, tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thanh H mức án 03 (Ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội: Bị cáo Lê Thanh H phải chấp hành hình phạt tù là 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

3.12. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17; Điều 58 và khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lâm Hoàng Hữu N 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lâm Hoàng Hữu N mức án 03 (Ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội: Bị cáo Lâm Hoàng Hữu N phải chấp hành hình phạt tù là 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ ngày 12/11/2022 đến ngày 21/11/2022 được trả tự do.

3.13. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17; Điều 58 và khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc H4 01 (Một) năm, 06 (S) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án;

3.14. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101 và Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Hoàng Y 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án (ngày 19/01/2024);

Giao bị cáo Lê Hoàng Y cho Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp phân công người giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Hoàng Y vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì bị cáo đó có thể bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp phạm tội mới bị cáo phải bị tổng hợp hình phạt chung của bản án này và bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và nêu quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, bị cáo Đinh Khả T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, bị cáo Lâm Hoàng Hữu N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, bị cáo Lê Thanh H và bị cáo Trần Nam T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Đinh Khả T, Lê Thanh H, Trần Nam T1 và Lâm Hoàng Hữu N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Các bị cáo thừa nhận Bản án số 05/2024/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp kết án các bị cáo Đinh Khả T, Lê Thanh H, Trần Nam T1 và L3 Hoàng Hữu N phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự và tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan, sai. Tuy nhiên, các bị cáo cho rằng mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là quá nặng so với hành vi của các bị cáo và tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm cho rằng hành vi của các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự và tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đinh Khả T và bị cáo Lâm Hoàng Hữu N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Lê Thanh H và bị cáo Trần Nam T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đinh Khả T, Trần Nam T1 và L3 Hoàng Hữu N cung cấp Đơn gia đình có hoàn cảnh khó khăn, các bị cáo là lao động chính, nuôi con nhỏ, bị cáo T đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Đinh Khả T, Trần Nam T1 và Lâm Hoàng Hữu N, sửa phần Quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Đinh Khả T, Trần Nam T1 và Lâm Hoàng Hữu N7 và Lâm Hoàng Hữu N7, giảm mức hình phạt cho bị cáo T từ 06 tháng đến 01 năm tù, giảm mức hình phạt cho các bị cáo N7 và T1 từ 01 tháng đến 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Riêng bị cáo Lê Thanh H có nộp Đơn xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính, nuôi con nhỏ tuy nhiên bị

cáo có 01 tiền án nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thanh H, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Thanh H.

Trong phần tranh luận, các bị cáo Đinh Khả T, Lê Thanh H, Trần Nam T1 và Lâm Hoàng Hữu N7 không tranh luận. Tại lời nói sau cùng, các bị cáo Đinh Khả T, Lê Thanh H, Trần Nam T1 và Lâm Hoàng Hữu N7 xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Ngày 09/11/2022, do không thống nhất cách giải quyết của Công an phường A, thành phố S nên Đinh Khả T, Lê Tam B2 và Lê Thị Hòa A điện thoại tìm người, tập hợp lực lượng để tìm T4 đánh trả thù. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi H4 cho biết địa điểm T4 đang nhậu ở nhà Quách Hữu N5 thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp thì Lê Tam B2, Đinh Khả T, Lê Thị Hòa A, Lê Thị Thùy L2, Lê Hoàng Y, Trần Thanh L1, Huỳnh Tấn N4, Lâm Hoàng Hữu N7, Đỗ Chấn C, Hà Minh H3, Nguyễn Duy Phước T3, Trần Nam T1, Lê Thanh H cùng 22 đối tượng khác tập trung tại dốc cầu B (phía trước chợ B4) thuộc địa bàn xã T. Khoảng 05 phút sau thì cùng kéo nhau vào nhà Quách Hữu N5 để tìm T4 đánh. Trước khi vào điểm gây thương tích, các bị cáo đậu xe ở đường công cộng kéo dài một quãng đường từ 6-10 mét, gây cản trở giao thông, la lối lớn tiếng, náo động khu vực đông dân cư, ảnh hưởng an ninh chính trị ở địa phương. Sau đó, B2, Y, A, Thùy L2, Thanh L1, N4, T3, C, N7, H3, Nam T1, H cùng các đối tượng khác xông vào trong nhà anh Quách Hữu N5. Mặc dù không có mâu thuẫn gì với nhau nhưng Trần Thanh L1, Huỳnh Tấn N4, Nguyễn Duy Phước T3 với bản tính côn đồ đã cùng với B2, H, Thùy L2, Y và 4-5 người khác dùng mũ bảo hiểm, dao tự chế là hung khí nguy hiểm đánh và chém Phạm Kim T4 gây thương tích 6%, Nguyễn Thanh T7 thương tích 4%, Quách Hữu N5 thương tích 27%, Võ Tấn Q thương tích 14%, Nguyễn Minh H5 thương tích 1%. Những người còn lại đứng bên ngoài hàng rào hỗ trợ về mặt tinh thần. Hành vi của bị cáo Đinh Khả T, bị cáo Lâm Hoàng Hữu N7, bị cáo Lê Thanh H và bị cáo Trần Nam T1 bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự và tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự bằng Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2024/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét thấy khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như các bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, đầu thú và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đinh Khả T và bị cáo Lâm Hoàng Hữu N7 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Lê Thanh H và bị cáo Trần Nam T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Các bị cáo

Đinh Khả T, Lê Thanh H, Trần Nam T1 và L3 Hoàng Hữu N7 cung cấp Đơn gia đình có hoàn cảnh khó khăn, các bị cáo là lao động chính, nuôi con nhỏ, bị cáo T đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành theo biên lai thu số 0004613 ngày 17/4/2024 (Bị cáo T đã thi hành xong quyết định của Bản án sơ thẩm về phần án phí hình sự sơ thẩm). Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới chưa được xuất trình, xem xét tại Tòa án cấp sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận đây là các tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Đinh Khả T, Trần Nam T1 và Lâm Hoàng Hữu N7, sửa phần Quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Đinh Khả T, Trần Nam T1 và Lâm Hoàng Hữu N7; Riêng đối với bị cáo Lê Thanh H mặc dù có nộp thêm tình tiết mới nhưng bị cáo H có một tiền án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thanh H, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Thanh H.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với kháng cáo của các bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Do kháng cáo của bị cáo Lê Thanh H không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Các bị cáo Đinh Khả T, Trần Nam T1 và Lâm Hoàng Hữu N7 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đinh Khả T, Trần Nam T1 và Lâm Hoàng Hữu N7.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2024/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp về phần hình phạt đối với các bị cáo Đinh Khả T, Trần Nam T1 và Lâm Hoàng Hữu N7ghĩa.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thanh H.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2024/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Thanh H.

2. Tuyên bố: Các bị cáo **Đinh Khả T, Lê Thanh H, Trần Nam T1 và L3 Hoàng Hữu N7** phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Gây rối trật tự công*”

cộng”.

2.1. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đinh Khả T** 04 (Bốn) năm 06 (S) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đinh Khả T** mức án 03 (Ba) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội: Bị cáo **Đinh Khả T** phải chấp hành hình phạt tù là 04 (Bốn) năm 09 (Chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ hình sự ngày 01/12/2022.

2.2. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Nam T1** 01 (Một) năm 09 (C1) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Nam T1** mức án 03 (Ba) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội: Bị cáo **Trần Nam T1** phải chấp hành hình phạt tù là 02 (Hai) năm tù.

Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.3. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 17; Điều 58 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Thanh H** 02 (Hai) năm, tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Thanh H** mức án 03 (Ba) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội: Bị cáo **Lê Thanh H** phải chấp hành hình phạt tù là 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.4. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17; Điều 58 và khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lâm Hoàng Hữu N7 09 (C1)** tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lâm Hoàng Hữu N7** mức án 03 (Ba) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội: Bị cáo **Lâm Hoàng Hữu N7** phải chấp hành hình phạt tù là 01 (Một) năm tù.

Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ ngày 12/11/2022 đến ngày 21/11/2022 được trả tự do.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-02-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thanh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Đinh Khả T, Trần Nam T1 và Lâm Hoàng Hữu N7 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TAND H. Châu Thành (08 bản);
- VKSND H. Châu Thành;
- CCTHADS H. Châu Thành;
- CQCSĐT Công an H. Châu Thành;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THATA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mỹ